

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-ST

Ngày: 12-5-2021.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hoàng Nguyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Sang.
2. Ông Huỳnh Ngọc Song.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huê – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh:**  
Ông Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/202/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hà Quang T1, sinh năm 1968. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn:

- 1/ Bà Thạch Thị T2, sinh năm 1978. (Vắng mặt)
- 2/ Ông Sơn T3, sinh năm 1972. (Vắng mặt)
- 3/ Chị Sơn Thị Minh T4, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Thạch Thị T2, ông Sơn T2, chị Sơn Thị Minh T4: Bà Trần Thị H – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Hà Quang T1 có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:*

Vào ngày 23/11/2017 ông Hà Quang T1 có cho bà Thạch Thị T2, ông Sơn T3, chị Sơn Thị Minh T4 vay số tiền mục đích làm vốn kinh doanh với số tiền bằng 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất bằng 300.000 đồng/tháng, thời hạn trả là không có thời hạn. Sau khi vay thì bà T2, ông T3, chị T4 không có trả vốn và lãi cho ông lần nào. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà Thạch Thị T2, ông Sơn T3, chị Sơn Thị Minh T4 trả cho ông vốn gốc bằng 20.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

*\* Bị đơn Thạch Thị Tông có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà thống nhất lời trình bày của ông Hà Quang T1 về số tiền vay, lãi suất cũng như mục đích và thời hạn trả. Sau khi vay thì bà đóng lãi được 3.000.000 đồng và trả vốn gốc được 6.000.000 đồng. Nay ông T1 yêu cầu bà cùng chồng và con trả số tiền vốn gốc bằng 20.000.000 đồng thì bà không đồng ý, bà đồng ý trả cho ông T1 14.000.000 đồng vốn gốc.

*- Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn ông Hà Quang T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Sơn T3, bà Thạch Thị T2 và chị Sơn Thị Minh T4 được Tòa án triệu tập tham gia xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T3, bà T2, chị T4 vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông T3, bà T2, chị T4.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Sơn T3, bà Thạch Thị T2 và chị Sơn Thị Minh T4 trình bày: Theo lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, thấy rằng lời trình bày của ông Hà Quang T1 là không đúng sự thật vì ông T1 là người chuyên cho vay nhưng ông lại để cho bà T2, ông T3, chị T4 nợ hơn 03 năm từ năm 23/11/2017 cho đến nay không lấy lãi và không khởi kiện là không đúng sự thật. Ngoài ra, qua xác minh thì bà Kim Thị T, bà Thạch Thị S và bà Thạch Thị Ngọc A đều chứng kiến ông T1 nhận tiền từ bà T2 02 bằng 5.000.000 đồng, chứng tỏ bà T2, ông T3, chị T4 có trả cho ông T1 vốn gốc bằng 6.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 429, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T1 là buộc bà T2, ông T3, chị T4 có nghĩa vụ trả cho ông T1 số vốn gốc bằng 14.000.000 đồng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: thẩm quyền thụ lý vụ án; quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết; tư cách pháp lý; thời hạn xét xử; thủ tục tiến hành hòa giải; thu thập chứng cứ; cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát; thời hạn gọi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 68; Điều 97; Điều 177; Điều 196; Điều 203; Điều 205; Điều 208; Điều 209; Điều 210; Điều 211; Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 239; Điều 243; Điều 247; Điều 249; Điều 250; Điều 251; Điều 252; Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Vị kiểm sát viên đề xuất:

+ Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Quang T1: Buộc ông Sơn T3, bà Thạch Thị T2 và chị Sơn Thị Minh T4 có nghĩa vụ trả cho ông T1 số tiền nợ vay là 20.000.000 đồng và không xem xét lãi suất vì ông T1 không yêu cầu.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay. Về thẩm quyền giải quyết, căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng. Về xác định tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ đều thực hiện theo các quy định tại các Điều 68 và Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông Hà Quang T1 khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Thạch Thị T2, ông Sơn T3, chị Sơn Thị Minh T4 có nghĩa vụ thanh toán cho ông T1 20.000.000 đồng vốn gốc, ông T1 không yêu cầu về lãi suất. Chứng minh cho yêu cầu của mình ông T1 có cung cấp cho Tòa án tờ biên nhận đề ngày 23/11/2017 có chữ ký của ông T3, bà T2 và chị T4.

Bị đơn ông Sơn T3, bà Thạch Thị T2, chị Sơn Thị Minh T4 đều thừa nhận chữ ký trong tờ biên nhận ngày 23/11/2017 là của ông, bà và chị, nhưng bị đơn trình bày rằng đã đóng lãi được 3.000.000 đồng và trả vốn gốc bằng 6.000.000 đồng, bị đơn chỉ còn nợ lại vốn gốc bằng 14.000.000 đồng. Chứng minh cho lời trình bày của mình bị đơn có cung cấp họ tên, địa chỉ của bà Kim Thị T, bà Thạch Thị Ngọc A và bà Thạch Thị S là người chứng kiến việc bà T2 trả tiền lãi và tiền vốn cho ông Tông.

Hội đồng xét xử nhận thấy sự kiện vay giữa nguyên đơn và bị đơn đối với biên nhận ngày 23/11/2017 là sự kiện có thật chứng minh bằng sự thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn không cần phải chứng minh. Đối với lời trình bày của bị đơn cho rằng đã trả được 6.000.000 đồng vốn gốc và 3.000.000 lãi suất có bà T, bà A và bà S chứng kiến, nhưng theo xác minh thì những người này có thấy việc đưa tiền giữa bà Thạch Thị T2 với ông Hà Quang T1 nhưng không biết tiền gì và cũng không xác định được là bị đơn có vay tiền của nguyên đơn do đó việc trả này bị đơn không có cung cấp được chứng cứ khác nên không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ căn cứ để chấp nhận, buộc ông Sơn T3, bà Thạch Thị T2 và chị Sơn Thị Minh T4 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hà Quang T1 số tiền vay vốn gốc còn nợ bằng 20.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Lời trình bày của vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành có căn cứ để chấp nhận. Theo như phân tích tại mục [2] thì lời trình bày của vị trợ giúp viên pháp lý không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí: các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 147 và Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Quang T1.

Tuyên xử: Buộc bị đơn ông Sơn T3, bà Thạch Thị T2 và chị Sơn Thị Minh T4 phải trả cho ông Hà Quang T1 số tiền vốn gốc bằng 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí sơ thẩm:

- Ông Hà Quang T1 không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho ông T1 tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 500.000 đồng theo biên lai thu số 0003730 ngày 31/12/2020, nhận lại tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn ông Sơn T3, bà Thạch Thị T2 và chị Sơn Thị Minh T4 phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hoàng Nguyên**